

Số:47 /2025/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định về các biện pháp lâm sinh; số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018; số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Điều 2. Đơn giá cụ thể

Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác: 162.908.000 đồng/ha (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng chẵn*)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đơn giá trồng rừng thay thế tại Điều 2 Quyết định này là căn cứ, định mức để các Chủ đầu tư dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh không tự trồng rừng thay thế được nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) để trồng rừng thay thế.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a, Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế do các Chủ đầu tư dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp theo quy định;

b, Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế của các tổ chức, đơn vị được giao chủ đầu tư trồng rừng thay thế theo quy định;

c, Kiểm soát thanh toán các khoản chi trồng rừng thay thế và giải ngân tiền trồng rừng thay thế theo khối lượng, tiến độ thực hiện trồng rừng thay thế của các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí trồng rừng thay thế.

d, Theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao chủ đầu tư trồng rừng thay thế có trách nhiệm xây dựng thiết kế, dự toán trồng rừng trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Tùy thuộc địa điểm trồng rừng, loài cây, đơn giá vật tư, nhân công tại thời điểm trồng rừng để tính toán, xây dựng thiết kế, dự toán trồng rừng phù hợp, nhưng đảm bảo đơn giá trồng rừng không vượt quá đơn giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: LĐVP(2), NN&MT, THNV;
- Công báo tỉnh Hà Nam; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Vượng